

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 07/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Kon Tum, ngày 18 tháng 7 năm 2019***NGHỊ QUYẾT****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND  
ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum  
về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao  
gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 8***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;**Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 64/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục kèm theo tại khoản 1, mục III, Điều 1 (có Phụ lục kèm theo).

2. Bổ sung khoản 2, mục III, Điều 1 như sau:

“2.3. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

- Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm;

- Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là 06 năm;

- Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là 05 năm;

- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất bằng 70% tổng mức đầu tư của dự án, nhưng giá trị hỗ trợ lãi suất không quá 01 (một) tỷ đồng cho một dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư và không quá 500 triệu đồng cho các dự án còn lại theo quy định tại điểm b mục 2.3 khoản 2 Điều này.”

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Trường hợp có thay đổi về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị xã hội vận động quần chúng, đoàn viên và hội viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện theo chức năng nhiệm vụ.

4. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Phụ lục kèm

theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**  
**Đã ký**  
**Nguyễn Văn Hùng**

**PHỤ LỤC****Áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Trung ương**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**I. Cơ sở pháp lý và địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư****1. Cơ sở pháp lý**

- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (*sau đây gọi là Nghị định số 218/2013/NĐ-CP*);

- Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế (*sau đây gọi là Nghị định số 12/2015/NĐ-CP*);

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (*sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP*);

- Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (*sau đây gọi là Nghị định số 116/2018/NĐ-CP*);

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (*sau đây gọi là Nghị định 55/2015/NĐ-CP*);

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (*sau đây gọi là Nghị định số 118/2015/NĐ-CP*).

- Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ (*sau đây gọi là Thông tư số 06/2009/TT-NHNN*).

- Thông tư số 28/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 9 tháng 4 năm 2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ (*sau đây gọi là Thông tư số 28/2014/TT-NHNN*).

**2. Quy định về đối tượng, địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư**

- Toàn tỉnh Kon Tum là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

khẩn được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

- Ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và những ngành, nghề khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

- Dự án nông nghiệp thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được đầu tư vào tỉnh Kon Tum (*địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*) là Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư (*theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP*)

- Doanh nghiệp được ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

## **II. Áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh**

### **1. Chính sách ưu đãi về đất đai**

a) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (*đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư*) nếu được giao đất hoặc được chuyển mục đích đất, cho thuê đất, thuê mặt nước thì được miễn, giảm tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tiền sử dụng đất; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước như sau:

- Được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi (*Áp dụng Điều 5 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*).

- Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước (*Áp dụng khoản 2 Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*).

b) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được Nhà nước cho thuê đất xây dựng nhà ở cho người lao động của dự án, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để phục vụ dự án đó thì được miễn tiền thuê đất (*Áp dụng khoản 5 Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

c) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê mặt nước ổn định tối thiểu 05 năm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này (*Áp dụng khoản 1 Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

d) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nhận góp

vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất (*Áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

đ) Doanh nghiệp tập trung đất đai bằng các hình thức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì được Nhà nước hỗ trợ bằng tổng các hỗ trợ theo quy định tại từng điểm c, điểm d nêu trên (*Áp dụng khoản 3 Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

## **2. Chính sách ưu đãi về thuế**

a) Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hưởng mức ưu đãi về thuế xuất thuế thu nhập doanh nghiệp (*Áp dụng Khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*).

b) Nhà đầu tư có dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới (*Áp dụng Khoản 7, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*).

- Miễn thuế 4 năm đầu, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới (*Áp dụng Khoản 8, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*). Sau khi hết thời hạn giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, doanh nghiệp tiếp tục được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 2 năm còn lại.

## **3. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường**

a) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng. Trường hợp doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, mức hỗ trợ 500 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo. Thời gian hỗ trợ là 03 tháng (*Áp dụng Điểm a khoản 1, Điều 10 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

- Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*Áp dụng Điểm b khoản 1, Điều 10 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

b) Các khoản hỗ trợ nêu tại mục a này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự

án và không quá 01 tỷ đồng (*Áp dụng khoản 2, Điều 10 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

#### **4. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư cơ sở:**

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; cơ sở giết mổ được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm: 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án. Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu (*Áp dụng Điểm a, Điểm c khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

- Hỗ trợ cơ sở sản xuất nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp và nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ: 60% kinh phí đầu tư và không quá 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án (*Áp dụng Điểm b, khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

b) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (*gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học*) được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

Mức hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị. Điều kiện hỗ trợ: Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, lâm sản phải đạt tối thiểu 100 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày. Bảo quản rau, hoa quả tươi, chè, hạt tiêu, hạt điều đạt 1.000 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 100 tấn kho (*Áp dụng khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

c) Trường hợp sản phẩm nông sản chế biến quy định tại điểm a mục 4 này khi được công nhận là sản phẩm chủ lực quốc gia, ngoài mức hỗ trợ quy định tại các khoản trên thì dự án được hỗ trợ bổ sung 03 tỷ đồng để đầu tư cơ sở hạ tầng (*Áp dụng khoản 5, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*);

d) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau: Hỗ trợ 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị. Ngoài hỗ trợ hạ tầng, nếu doanh nghiệp nhập, bò giống cao sản để nuôi trực tiếp hoặc liên kết nuôi với hộ gia đình thì được hỗ trợ bổ sung là 10 triệu đồng/con (*Áp dụng Điều 12 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ*).

#### **5. Chính sách tín dụng**

a) Chính sách đảm bảo tiền vay

- Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chủ trang trại được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức quy định (*Áp dụng khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP*).

- Chính sách bảo đảm tiền vay khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết (*Áp dụng Điều 14 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP*)

- Chính sách bảo đảm tiền vay khuyến khích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*Áp dụng Điều 15 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP*)

b) Chính sách hỗ trợ lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP:

- Các hộ nghèo, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ trang trại đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn các huyện nghèo vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhà nước được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất như sau (*Áp dụng Điều 2 Thông tư số 06/2009/TT-NHNN*):

+ Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay khi vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhà nước để phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản.

+ Đối với các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư sản xuất, chế biến kinh doanh trên địa bàn các huyện nghèo được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các ngân hàng thương mại nhà nước.

- Điều kiện được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất (*Áp dụng tại Điều 4 Thông tư số 06/2009/TT-NHNN*):

+ Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn các huyện nghèo.

+ Đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### **III. Điều kiện, cơ chế và thủ tục hỗ trợ đầu tư:**

Điều kiện, cơ chế và thủ tục thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương đối với từng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.